TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** **---***---** Số: 221/2019/QĐST - HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------- *K, ngày 22 tháng 11 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 293/2019/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa:

***/ Nguyên đơn*: - Chị Lê Thị Bích D**, sinh năm 1987;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn M, xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Hiện trú tại: Thôn P, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

/ Bị đơn: - **Anh Nguyễn Đức T**, sinh năm 1983;

Đều đăng ký HKTT và trú tại: Thôn M, xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Cháu Nguyễn Trường H**, sinh ngày 15/01/2008;
- **Cháu Nguyễn Lê N**, sinh ngày 05/3/2015.

Đều đăng ký HKTT: Thôn M, xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Hiện đều trú tại: Thôn P, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Giám hộ cho cháu H và cháu N là chị D– Mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 14/11/2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/11/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Bích D và anh Nguyễn Đức T.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trường H, sinh ngày 15/01/2008 và cháu Nguyễn Lê N, sinh ngày 05/3/2015 cho chị Lê Thị Bích D tiếp tục nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H và cháu N trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh T được quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

****/ Về tài sản chung, công nợ chung:*** Chị D và anh T không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

****/ Về ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:*** Chị D và anh T khẳng định không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

****/ Về án phí:*** Chị Lê Thị Bích D tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí LHST. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0001478 ngày 18/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nên chị D được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh HY;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã L;*
- *VKSND huyện;*
- *Chi cục THADS huyện KC;*
- *Lưu HS.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hương